Mẫu số: **02/NĐAT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 28 / 2011`/TT-BTC ngày 28/02 /2011 của Bộ Tài chính.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ NHÀ, ĐẤT**

*(Áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân)*

[**01**]  **Kỳ tính thuế: Năm ...**

[02] Lần đầu 🗆 [03] Bổ sung lần thứ 🗆

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **[04] Tên người nộp thuế:................................................................................................** | | | | | | |
| **[05] Mã số thuế................................................................................................................** | | | | | | |
| [06] Địa chỉ: .............................................. | | | | Phường/xã:.................................... | | |
| Quận/huyện: ....................................... | | Tỉnh/Thành phố:............................. | | | | |
| [07] Điện thoại: ................................. | [08] Fax: ............................ | | | | | [09] Email:.......... |
| **[10] Đại lý thuế (nếu có) :...................................................................................................** | | | | | | |
| **[11] Mã số thuế: ..............................................................................................................** | | | | | | |
| [12] Địa chỉ: .................................................................................................................... | | | | | | |
| [13] Quận/huyện:.......................... [14] Tỉnh/Thành phố: .............................. | | | | | | |
| [15] Điện thoại:............................ [16] Fax: ..................... [17] Email:..................... | | | | | | |
| [18] Hợp đồng đại lý thuế số:.......................................................ngày............................ | | | | | | |
| [19] Địa chỉ thửa đất chịu thuế:................................. | | | | | [20] Phường/xã: ........................ | |
| [21] Quận/huyện: ............................................. | | | [22] Tỉnh/Thành phố: ....................... | | | |
| [23] Vị trí thửa đất chịu thuế: ............... | | |  | | | |
| [24] Diện tích đất chịu thuế:........................................................................................... | | | | | | |
| [25] Đất đô thị: ................................................................................................................ | | | | | | |
| [26] Đất vùng ven đô thị, ven đầu mối giao thông và ven trục giao thông chính: .......... | | | | | | |
| [27] Đất nông thôn: ......................................................................................................... | | | | | | |
| [28] Số tầng nhà trên thửa đất chịu thuế (ghi số tầng nhà của nhà nhiều tầng trên thửa đất chịu thuế):................................................................................................................................. | | | | | | |
| [29] Vị trí tầng của người nộp thuế:................................................................................. | | | | | | |
| [30] Thuộc diện miễn, giảm thuế nhà, đất: ...................................................................... | | | | | | |
| [31] Tháng bắt đầu chịu thuế:.......................................................................................... | | | | | | |

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  *Ngày......... tháng........... năm.......*

Họ và tên: .............. **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

Chứng chỉ hành nghề số: **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

. .................... Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**Ghi chú:**

- Mỗi tờ khai dùng cho một thửa đất

- Người nộp thuế được miễn, giảm thuế nhà đất theo quy định tại ....(ghi rõ điều, khoản, tên văn bản pháp quy quy định trường hợp được miễn, giảm thuế)

**- Chỉ tiêu diện tích đất chịu thuế:** Chỉ ghi diện tích chịu thuế nhà, đất theo quy định tại các văn bản pháp quy về thuế nhà đất. Trường hợp thửa đất có một phần chịu thuế nhà đất, một phần chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp hoặc tiền thuê đất thì chỉ ghi diện tích phần chịu thuế nhà đất. Trường hợp người nộp thuế có đất sử dụng chung với người khác thì ghi phần diện tích mà người nộp thuế có trách nhiệm nộp thuế.